

Bản án số: 195/2020/HCPT

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

V/v “*Tranh chấp yêu cầu hủy*

Quyết định hành chính”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Thành

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án dân cấp cao cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 474/2017/TLPT-HC ngày 14/8/2019 về việc “Yêu cầu hủy Quyết định hành chính”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 877/2020/QĐPT-HC ngày 20/5/2020 giữa:

Người khởi kiện:

1/ Ông Hàng Chê, sinh năm 1963

Nơi cư trú: số 44 T Đ Th, khóm 2, Phường 5, thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng

2/ Ông Hàng Che, sinh năm 1958

3/ Bà Hàng Thị Sa R , sinh năm 1953

4/ Bà Hàng Thị Sa P, sinh năm 1967

Cùng cư trú tại: số 12 Tr Q T, khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Thành Tân, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi cư trú: số 12 H B Tr, khóm 1, Phường 1, thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng

(theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018).

Người bị kiện:

1. Ủy Ban nhân dân (UBND) thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng.
2. Chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng

Cùng địa chỉ: số 93 Phú Lợi, Phường 2, thành phố S Tr , tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND thành phố S Tr : Ông Trần Hoàng H; Chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Ông Lê Thành Tâ, sinh năm 1956 (có mặt).
- 2/ Bà Lâm Thu O , sinh năm 1964 (ủy quyền cho ông Tâ)

Cùng cư trú: số 12 H B Tr, khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- 3/ Sở giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện, ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P trình bày:*

Ngày 10/6/2011, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr ban hành Quyết định số 16/QĐKN-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại giữa ông Lê Thành Tâ với ông Phan Văn Thơ và ông Trần Minh Sơn. Sau đó, đến ngày 28/12/2011 Ủy ban nhân dân thành phố S Tr ban hành Quyết định số 4230/QĐ- UBND về việc thu hồi đất 1.142,7 m² (Trong đó, có 598,8 m² đất của ông Hàng S chuyển nhượng cho ông Lê Thành Tâ năm 1993) và năm 2006 ông Lê Thành Tâ có xây dựng một căn nhà với diện tích 120 m².

Ngày 10/11/2016, gia đình ông Hàng Chê khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố S Tr điều chỉnh Quyết định số 4230/QĐ-UBND, trả lại phần đất 598,8 m² cho gia đình sử dụng. Ngày 08/12/2017, Chủ tịch UBND thành phố S Tr có văn bản số 84/UBND-TD có nội dung: không có cơ sở để giải quyết trả lại 598,8 m² đất trên.

Ngày 17/12/2017, gia đình ông Hàng Chê tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố S Tr yêu cầu trả lại phần đất có diện tích 598,8 m² của gia đình còn lại tiếp giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ, Công ty cổ phần vận tải ô tô, ông Nguyễn Chí Thanh và bà Loan. Ngày 27/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố S Tr ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND có nội dung: giữ nguyên Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 và bác yêu cầu đòi 598,8 m² đất của gia đình.

Nay người khởi kiện yêu cầu giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của Ủy ban nhân

dân thành phố S Tr .

2. Hủy Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr .

3. Hủy Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr .

Đại diện theo ủy quyền của các người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và cho rằng diện tích 598,8 m² ông đang quản lý, sử dụng ông chỉ biết là đất của ông Hàng S , nhưng không biết phần đất này có nằm trong diện tích 1.510m² của ông Hàng S trước đây hay không. Ngoài ra, ông Tâ yêu cầu đưa Sở Tài nguyên và Môi trường vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xác định và làm rõ diện tích đất 598,8 m² có phải đất của gia đình ông Hàng S chuyển nhượng cho ông Lê Thành Tâ.

- *Người bị kiện, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr trình bày:*

Việc ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P khiếu nại Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr để yêu cầu trả lại phần đất tiếp giáp với đất Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Sóc Trăng với diện tích 598,8 m² là không có cơ sở để xem xét, giải quyết vì:

- Diện tích 598,8 m²/1.510 m² trước đây chưa bồi hoàn đã được Sở Địa chính tỉnh Sóc Trăng có văn bản số 640/CV.HC.97 ngày 14/6/1997 về việc xác minh nguồn gốc đất tại khu vực Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Sóc Trăng, đất tọa lạc tại ngã ba Trà Men, khóm 1, Phường 6, thành phố S Tr . Qua đó, Sở Địa chính đề xuất diện tích đất của ông Hàng S trừ lại diện tích 1.510m² khu đất đã chuyển nhượng giữa cá nhân với nhau vào năm 1972, vị trí thửa đất nằm cặp Quốc lộ 1A vào 30 m. Về vị trí thửa đất hiện nay yêu cầu trả lại không đúng theo vị trí đã được Sở Địa chính tỉnh Sóc Trăng xác định trước đây (Vị trí khác).

Đối với diện tích sau khi kiểm tra, đo đạc thực tế thì ông Hàng Chê, ông hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P không có trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng đối với phần đất này từ trước ngày 15/10/1993 cho đến thời điểm hiện nay. Đối với diện tích 598,8m² nằm trong tổng diện tích 1.142,7 m² trước đây đã được ủy ban nhân dân thành phố S Tr quản lý tại Quyết định số 4230/QĐND-UBND, ngày 28/12/2011 về việc thu hồi diện tích đất 1.142,7m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr và đã được điều chỉnh tại Quyết định số 407/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016 của UBND thành phố S Tr .

Đối với Quyết định số 16/QĐKN-CTUBND, ngày 16/10/2011 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Lê Thành Tâ. Nội dung giải quyết tại quyết định không có nội dung nào khẳng định diện tích đất 598,8 m²/1.510 m² là đất của ông Hàng S hoặc đất của ông Lê Thành Tâ, do đó về căn cứ để khiếu nại đối với Công văn số 84/UBND-TD, ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr là không có cơ sở.

Ngoài ra, ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P không có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai

năm 2013 để chứng minh thửa đất có diện tích 598,8 m² là đất của gia đình để yêu cầu xem xét trả lại đất tiếp giáp với Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Sóc Trăng cho các ông, bà quản lý, sử dụng. Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lê Thành Tâm và bà Lâm Thu O trình bày:

Ông bà đã nhận sang nhượng phần đất có diện tích 598,8m² của ông Hàng S từ năm 1993 và quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Sau khi sang nhượng thì ông bà nhận đất để trồng rau cải và nuôi cá, đến năm 2005 thì ông bà sang lấp mặt bằng, đến năm 2006 thì xây nhà kiên cố với diện tích 120 m², ông bà không có xin giấy phép xây dựng nhà. Khi ông bà xây nhà chính quyền địa phương không lập biên bản vi phạm và cũng không có xử phạt vi phạm hành chính; quá trình xây nhà có làm nức tường nhà của Công ty cổ phần vận tải Sóc Trăng nên chính quyền địa phương có lập biên bản và ông đã bồi thường cho Công ty vận tải xong.

Vào năm 2003, ông có làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất của ông cạnh ở hướng tây giáp với Nghĩa trang liệt sĩ, nên ông đã trình lãnh đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh ký giáp ranh.

Nay ông bà yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất với diện tích 598,8 m² vì sang nhượng hợp pháp đất của ông Hàng S , nếu không được ổn định phần đất 598,8 m² thì yêu cầu xác định phần đất này là của ông Hàng S chưa được Nhà nước bồi thường vào năm 1995 để trả lại quyền lợi cho ông Hàng S và gia đình ông, bà.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4230/QĐ-UBND, ngày 28/12/2011 của ủy ban nhân dân thành phố S Tr , Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr và Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S Tr .

- Ông Lê Thành Tâm và bà Lâm Thu O không có yêu cầu xử lý hậu quả đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Tâm với ông Hàng S trong vụ án hành chính này, nên HĐXX không đặt ra xem xét; ông Tâm và bà O có quyền khởi kiện những người thừa kế của ông Hàng S thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2019 người khởi kiện, ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Thành Tâm và bà Lâm Thu O kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu

cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính:

- Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND thành phố S Tr

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr

Và hủy Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr .

Trong phần tranh luận, người khởi kiện trình bày phần đất bị thu hồi 1.142,7m² trong đó, có 598,8m² đất của ông Hàng S chuyển nhượng cho ông Lê Thành Tâ năm 1993, không phải đất công do nghĩa trang quản lý vì phần đất của nghĩa trang đã phân ranh cắm mốc và Sở Lao động và Thương binh xã hội đã có trích đo bản đồ diện tích đất nghĩa trang, xác định phần đất còn lại ngoài ranh nghĩa trang là đất thuộc quyền sử dụng của dân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: phần diện tích đất bị thu hồi 1.142,7m² trong đó, có 598,8m² đất tranh chấp theo Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND thành phố S Tr . Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND thành phố S Tr vì hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ. Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr , Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr , không chấp nhận người khởi kiện đòi lại diện tích đất nêu trên là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R , bà Hàng Thị Sa P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Thành Tâ, bà Lâm Thu O và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Phần đất bị thu hồi 1.142,7m² thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khu phố 6, Phường 6, thành phố S Tr trên đất có căn nhà 120 m² được xây dựng năm 2006 của vợ chồng ông Lê Thành Tâ và bà Lâm Thu O .

Tại Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố S Tr về việc thu hồi diện tích đất 1.142,7 m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr , với lý do:

Theo Biên bản số 22/BB.UBND ngày 13/4/2011 của Đoàn giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân thì thửa đất có nguồn gốc nhà nước quản lý. Ông Lê Thành

Tâ ngụ tại số 12 đường Hai Bà Trưng, khóm 1, Phường 1, thành phố S Tr chuyển nhượng trái pháp luật (BL.134,135).

Tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố S Tr đã điều chỉnh Quyết định số 4230/QĐNB-UBND ngày 28/12/2011 thay đổi diện tích thu hồi còn 883,5 m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr .

Tại văn bản số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017, Chủ tịch UBND thành phố S Tr giải quyết khiếu nại là không có cơ sở để giải quyết trả lại 598,8m² đất nằm trong diện tích đất 1.142,7 m² nêu trên với lý do các hộ dân không trực tiếp quản lý từ 15/10/1993 đến nay đã bị quản lý theo Quyết định số 4230/QĐNB-UBND ngày 28/12/2011.

Tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố S Tr và bác đơn khiếu nại đòi 598,8m² đất, giữ nguyên Công văn số 84/UBND-TD ngày 08/12/2017 với lý do 598,8m²/1.510 m² đất là khác các cá nhân đã chuyển nhượng với nhau từ năm 1972, còn ví trí thửa đất yêu cầu trả lại hiện nay là không đúng vị trí.

Các Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011, Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 29/4/2016, đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Do đó, khi xét xử tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của các quyết định nêu trên là bỏ sót đối tượng khởi kiện.

UBND Phường 6 được giao quản lý và sử dụng làm quỹ đất công đối với diện tích thu hồi 1.142,7 m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr , nhưng không đưa UBND Phường 6, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm tố tụng.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố S Tr thu hồi đất diện tích 1.142,7 m² của ông Tâ và bà O đang quản lý sử dụng với lý do diện tích 1.142,7 m² có nguồn gốc là đất nhà nước quản lý, do nghĩa trang liệt sỹ quản lý từ năm 1977, nằm trong diện tích 30.219,7 m² đất quy hoạch Khu nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Sóc Trăng nhưng không đưa Sở Thương Binh và Xã Hội tỉnh Sóc Trăng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là thiếu sót vi phạm tố tụng.

Về nội dung:

a/ Về trình tự thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

Sau khi UBND thành phố S Tr thu hồi diện tích 1.142,7 m² đất, thì điều chỉnh lại diện tích thu hồi là 883,5 m² đất thuộc thửa 98 tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr thì các đồng thừa kế của ông Hàng S khiếu nại, được Chủ tịch UBND thành phố S Tr giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục.

b/ Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Theo các tài liệu cáo trong hồ sơ thì đất của ông Hàng S là 4000 m² đã bị thu hồi 2490 m² từ năm 1997 để làm Nghĩa Trang Liệt sỹ tỉnh Sóc Trăng, trừ phần

diện tích 1.510 m², khu đất đã chuyển nhượng (BL.123) được xác định theo bản vẽ ngày 28/8/1995 và đo đạc cắm mốc ngày 30/5/2003 (BL.143, 142).

Theo giấy tay chuyển nhượng ngày 28/2/1993 ông Hàng S chuyển nhượng cho bà Lâm Thu O 448 m² và ngày 09/9/1993 chuyển nhượng 308 m² đất nằm trong diện tích 1.510 m² đất nêu trên.

Năm 2006 bà O và ông Tâ xây dựng nhà trên đất và đến năm 2007 bà O làm đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, được tổ dân phố xác nhận đất có nguồn gốc của ông Hàng S, có xác nhận tứ cận (BL.223, 224) với diện tích 1142,7 m² thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr.

Ủy ban nhân dân thành phố S Tr thu hồi đất diện tích 1.142,7m² của ông Tâ và bà O đang quản lý sử dụng với lý do diện tích 1.142,7m² có nguồn gốc là đất nhà nước quản lý, do nghĩa trang liệt sỹ quản lý từ năm 1977; nằm trong diện tích 30.219,7 m² đất quy hoạch Khu nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Sóc Trăng.

Tại công văn số 2165/UBND-HC ngày 28/12/2018 của UBND thành phố S Tr về cung cấp thông tin về vụ án hành chính, bổ sung về đất tranh chấp là không có bồi thường hỗ trợ do không rõ chủ sử dụng đất và nằm trong tổng thể 30.219,7 m² đất quy hoạch Khu nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Sóc Trăng.

Tại văn bản số 433/LĐT BXH –VP ngày 4/11/2009 của Sở Lao động và Thương Binh xã hội tỉnh Sóc Trăng về xác định quyền sử dụng đất thì đất nghĩa trang là 28.534 m² theo sơ đồ cắm mốc ngày 10/4/2003 và sơ đồ xác định lại ngày 9/6/2005 còn phần đất nằm ngoài là của các hộ dân.

Do có sự khác biệt về nguồn gốc đất, vị trí đất đối với diện tích 1.142,7 m² bị thu hồi như đã nêu trên nên cần xác minh làm rõ:

- Phần diện tích diện tích 1.142,7 m² ông Tâ và bà O đang quản lý sử dụng có phải là đất nhà nước quản lý do Nghĩa trang Liệt sỹ quản lý từ năm 1977 không.

- Vị trí diện tích còn lại 1510 m² đất sau khi thu hồi thửa đất của ông Hàng S có vị trí khác với diện tích 1.142,7m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr mà ông Tâ, bà O đang sử dụng hay không, cần được lồng ghép áp thửa với sơ đồ vị trí đất của khu nghĩa trang và hiện trạng đất đang tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nguồn gốc là đất nhà nước quản lý và vị trí đất nhưng bác yêu cầu của các thừa kế của ông Hàng S là chưa có căn cứ vững chắc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính liên quan, Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 29/4/2016, Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 thu hồi diện tích 1.142,7m² loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK), thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm 6, Phường 6, thành phố S Tr với lý do hết thời hiệu khởi kiện, đã có hiệu lực pháp luật, là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Và Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 đã thu hồi diện tích 1.142,7 m² theo Biên bản số 22/BB.UBND ngày 13/4/2011 của Đoàn giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân nhưng chưa thu thập biên bản này là thiếu sót, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Từ các căn cứ nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đúng đối tượng khởi kiện, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và khi giải quyết vụ án chưa đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện và các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính, là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R và bà Hàng Thị Sa P, ông Lê Thành Tâ và bà Lâm Thu O không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

- Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

- Hoàn lại cho ông Hàng Chê, ông Hàng Che, bà Hàng Thị Sa R và bà Hàng Thị Sa P mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0006677 ngày 24/5/2019 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Hoàn lại cho ông Lê Thành Tâ và bà Lâm Thu O mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0006676 ngày 24/5/2019 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương Đỗ Đình Thanh

Đặng Văn Thành